

Trương Thanh Nguyên, CFA
Chuyên viên Vĩ mô

Alastair Macdonald, CFA
Giám đốc Phòng Nghiên cứu & Phân tích

Chỉ số Việt Nam	TT	GT cuối tháng	T06%	YTD%
VNI		1.408,6	6,1	27,6
VN30		1.529,0	3,7	42,8
VN Mid		1.683,9	5,8	33,0
VN Small		1.392,2	5,2	29,5
HNI		323,3	1,7	59,2
HN30		510,3	3,0	57,1

GT vốn hóa cuối tháng (tỷ USD)	T05	T06
HSX	214,7	229,6
HNX	16,1	16,9
UPCoM	45,9	50,3
Tổng cộng	276,7	296,8

Thanh khoản (triệu USD)	T05	T06
GTGD TB/phiên (bao gồm thỏa thuận)		
HSX	974,4	1.050,5
HNX	126,2	171,7
UPCoM	53,8	84,1
Tổng cộng	1.154,4	1.306,3

KN mua ròng	T05	T06
HSX	-511,5	-182,5
HNX	-7,0	-43,0
UPCoM	8,0	11,0
Tổng cộng	-510,5	-214,5

Diễn biến các chỉ số ASEAN 4	T06%	YTD%
Việt Nam (VNI)	6,1	27,6
Thái Lan (SET)	-0,4	9,6
Philippines (PSEi)	4,1	-3,3
Indonesia (JCI)	0,6	0,1

P/E (trượt 12T)	T05	T06
Việt Nam (VNI)	18,2	19,2
Thái Lan (SET)	29,6	29,8
Philippines (PSEi)	26,9	29,5
Indonesia (JCI)	29,0	29,9

Chỉ số VN-Index vượt mốc 1.400 trong tháng 6

Chỉ số VN-Index vượt mốc 1.400 điểm dù số ca nhiễm COVID-19 gia tăng. Chỉ số VN-Index tiếp tục tăng vào đầu tháng 6 nhưng giảm nhẹ trong tuần thứ hai của tháng. Tuy nhiên, chỉ số VN-Index nhanh chóng lấy lại đà tăng trong nửa cuối tháng trong bối cảnh dịch COVID-19 tái bùng phát tại Việt Nam và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) phát tín hiệu có khả năng tăng lãi suất sớm hơn dự kiến do rủi ro lạm phát gia tăng. Chỉ số VN-Index đã tăng 6,1% so với tháng trước (MoM), khép lại tháng 6 tại mức cao kỷ lục 1.409 điểm. Tính từ đầu năm 2021, chỉ số VN-Index đã tăng 27,6%, vượt trội hơn các thị trường khác trong khu vực như chỉ số SET của Thái Lan (+9,6%), chỉ số JCI của Indonesia (+0,1%) và chỉ số PSEi của Philippines (-3,3%).

Tất cả các nhóm ngành đều tăng, dẫn dắt bởi nhóm Dịch vụ Tài chính. Nhóm ngành Dịch vụ Tài chính tăng mạnh 23,7% MoM trong tháng 6, dẫn dắt bởi 3 mã chứng khoán hàng đầu gồm SSI (+26,3%), HSC (+31,5%) và VCI (+30,2%). Theo sau là ngành Tiện ích (+11,7%) – dẫn dắt bởi GAS (+16%) và ngành Bảo hiểm (+9,2%) – dẫn dắt bởi BVH (+7,9%).

Giá trị giao dịch tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục mới. Giá trị giao dịch trung bình ngày (ADTV) trên tổng cả 3 sàn tăng 13,2% MoM đạt 1,3 tỷ USD trong tháng 6. ADTV trên sàn HSX tính riêng đã tăng 3,2% MoM đạt 1,1 tỷ USD. Trong 6 tháng năm 2021 (6T 2021), ADTV tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ năm ngoài.

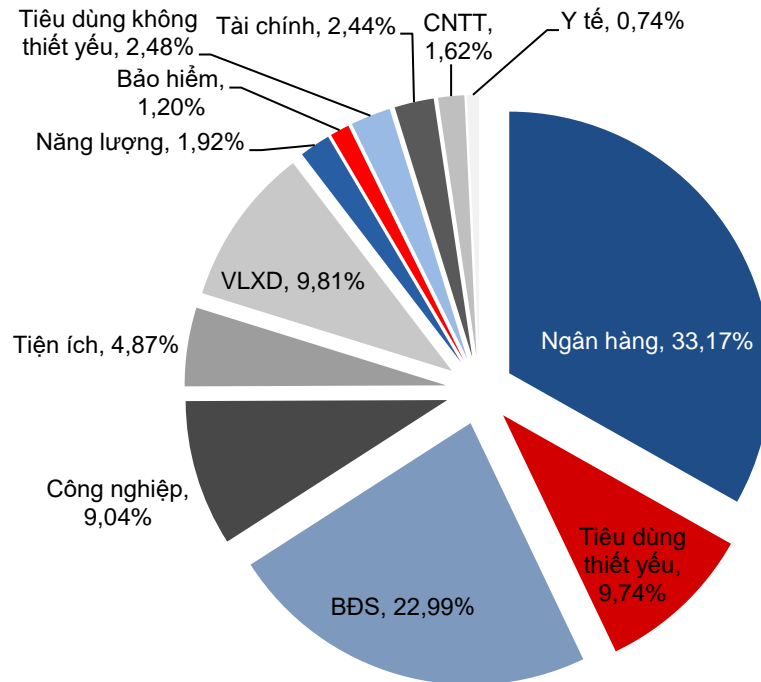
Khối ngoại tiếp tục bán ròng. NĐT nước ngoài đã bán ròng 214,5 triệu USD trên tổng 3 sàn trong tháng 6, đưa tổng giá trị bán ròng đạt 1,33 tỷ USD trong 6T 2021. HPG (-217 triệu USD) tiếp tục ghi nhận lượng bán ròng cao nhất, theo sau là VPB (-71 triệu USD) và MBB (-69 triệu USD). Trong khi đó, VHM (+60 triệu USD), VCB (+48 triệu USD) và NVL (+30 triệu USD) là các cổ phiếu được NĐT NN mua ròng nhiều nhất. Trong số các thị trường khác trong khu vực, chỉ số SET của Thái Lan và chỉ số PSEi của Philippines cũng bị khối ngoại bán ròng, lần lượt là 2,5 tỷ USD và 1,5 tỷ USD trong 6T 2021, trong khi chỉ số JCI của Indonesia được mua ròng trị giá 1,2 tỷ USD.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên lãi suất gần bằng 0 nhưng dự kiến có 2 lần tăng lãi suất trước năm 2023. Sau 2 ngày họp, Ủy ban Thị Trường mở liên bang (FOMC) đã quyết định duy trì lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức gần bằng 0. Tuy nhiên, biểu đồ 'dot plot' cập nhật báo hiệu đến năm 2023 có ít nhất 2 đợt nâng lãi suất do rủi ro lạm phát cao hơn dự kiến so với biểu đồ dot plot công bố vào tháng 3/2021. Sau cuộc họp của Fed, đồng USD tăng so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác trong rổ tiền tệ.

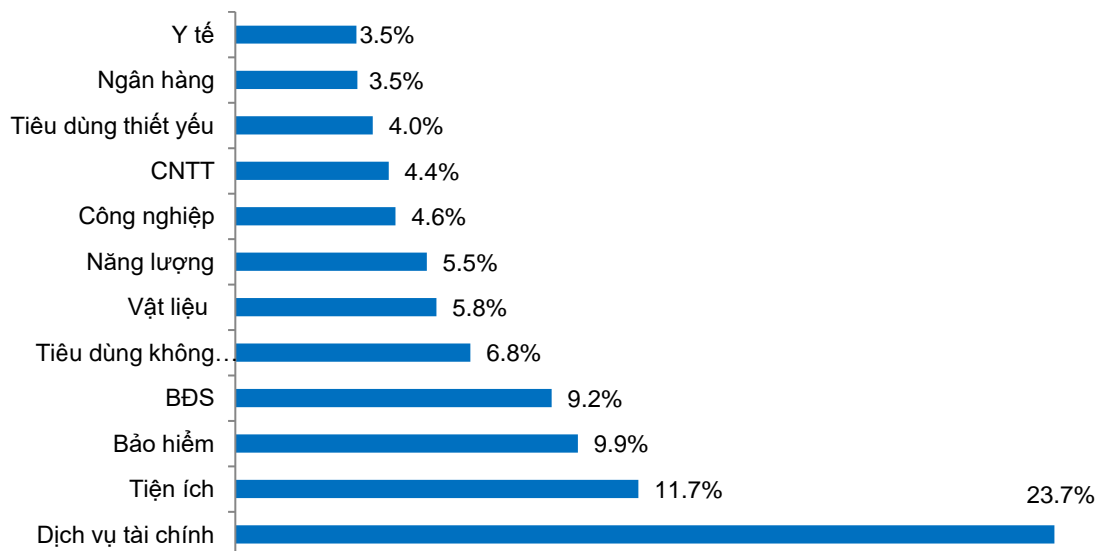
Triển vọng: Tăng trưởng GDP của Việt Nam đã cải thiện từ 4,65% trong quý 1 lên 6,61% trong quý 2/2021. Dù kết quả này thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi do làn sóng dịch COVID-19 thứ tư, tăng trưởng GDP trong quý 2 cho thấy môi trường kinh doanh đã cải thiện so với cùng kỳ năm trước do quý 2/2020 là giai đoạn mà dịch bệnh gây ra các gián đoạn trầm trọng nhất đối với hoạt động kinh tế tính đến hiện tại. Chúng tôi kỳ vọng kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp sẽ cải thiện trong quý 2/2021, dự kiến được công bố vào cuối tháng 7. Trong khi đó, tỷ lệ P/E trượt của chỉ số VN-Index đã tăng lên mức 19,2 lần nhưng vẫn duy trì ở vùng định giá hấp dẫn so với các thị trường lân cận như P/E của chỉ số SET của Thái Lan là 29,8 lần, JCI của Indonesia là 29,9 lần và PSEi của Philippines là 29,5 lần. Tuy nhiên, số ca nhiễm COVID-19 gia tăng tại các tỉnh thành miền Nam vẫn có khả năng tác động tiêu cực đến các nhóm ngành như Bán lẻ, Vận tải và Khách sạn nghỉ dưỡng trong tháng 7.

Thị trường Việt Nam

Hình 1: Cơ cấu giá trị vốn hóa thị trường Việt Nam theo ngành trong tháng 6



Hình 2: Biến động giá cổ phiếu theo nhóm trong tháng 6



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), VCSC

(*) Ghi chú: GAS được xếp vào nhóm Tiện ích thay vì Dầu khí theo GICS vì là công ty phân phối khí.

Các công ty được phân ngành dựa theo tiêu chuẩn GICS với các điều chỉnh sau: Ngành Tài chính (mã GICS 40) được chia thành 3 phân ngành: Ngân hàng, Bảo hiểm và Tài chính khác; Các công ty Ô tô và Phụ tùng (mã GICS 2510) thuộc về ngành Công nghiệp (mã GICS 20) thay vì thuộc Ngành Tiêu dùng (mã GICS 25)

Hình 3: Các mã tăng mạnh nhất trong tháng 6

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
HOSE*					
VND	Tài chính khác	411	0,18	44.400	43%
ANV	Tiêu dùng thiết yếu	187	0,08	34.200	43%
VCI	Tài chính khác	749	0,33	52.200	31%
HCM	Tài chính khác	672	0,29	51.100	30%
AAA	Vật liệu	249	0,11	19.500	28%
HNX**					
SHN	Tài chính khác	78	0,47	14.000	94%
EVS	Tài chính khác	86	0,51	33.200	43%
CSC	Công nghiệp	58	0,35	59.000	40%
PHP	Công nghiệp	326	1,94	23.100	39%
LAS	Vật liệu	69	0,41	14.200	27%

Hình 4: Các mã giảm mạnh nhất trong tháng 6

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
HOSE*					
TSC	Công nghiệp	71	0,03	11.200	-36%
ABS	N/A	104	0,05	30.300	-31%
APH	Vật liệu	493	0,22	58.600	-20%
DXG	BDS	536	0,24	24.000	-14%
PSH	N/A	145	0,06	26.600	-14%
HNX**					
VNT	Công nghiệp	26	0,15	50.200	-28%
NVB	Ngân hàng	338	2,01	19.300	-17%
IVS	Tài chính khác	30	0,18	10.000	-15%
DL1	Công nghiệp	37	0,22	8.400	-11%
L18	Công nghiệp	28	0,17	17.200	-9%

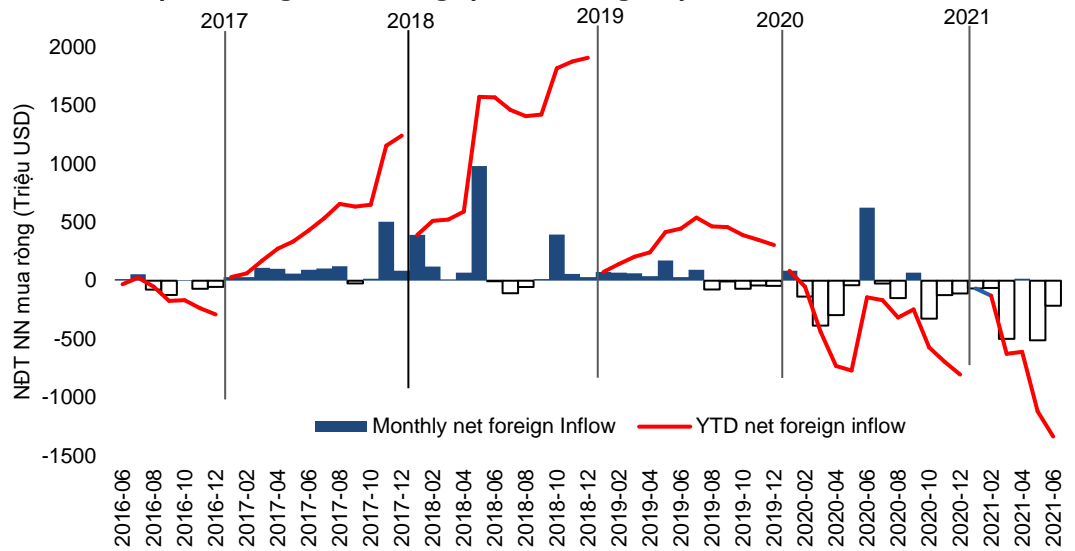
(*): giá trị vốn hóa tối thiểu 50 triệu USD

(**): giá trị vốn hóa tối thiểu 25 triệu USD

Nguồn: HSX, HNX, VCSC

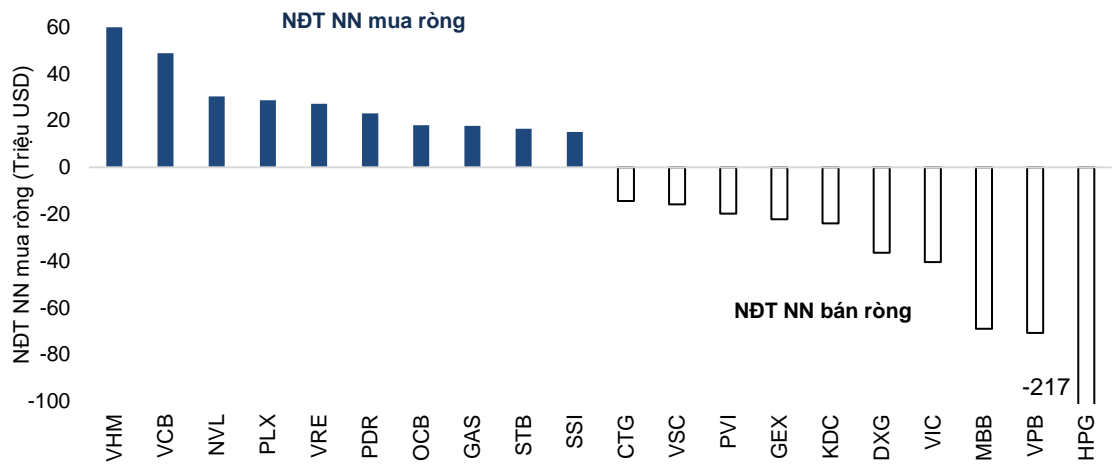
Hoạt động của khối ngoại

Hình 5: Giá trị mua ròng của khối ngoại theo tháng, triệu USD



Nguồn: HSX, HNX, VCSC

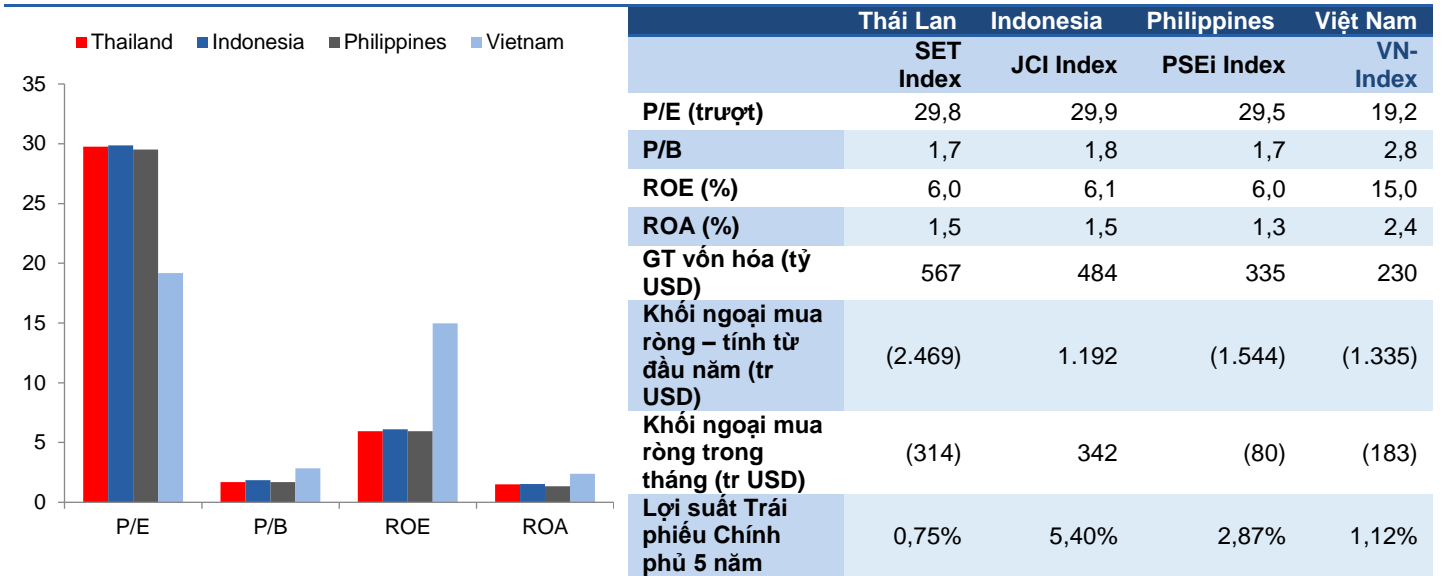
Hình 6: Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng mạnh nhất



Nguồn: HSX, HNX, VCSC

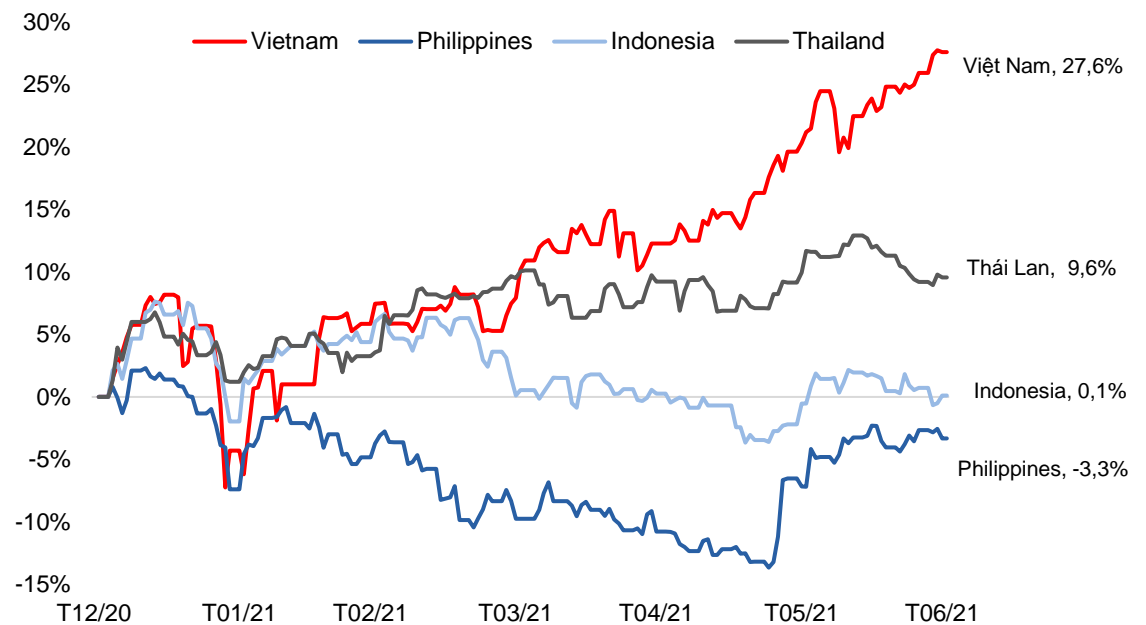
Việt Nam và một số thị trường lân cận

Hình 7: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Các dữ liệu và định giá chính



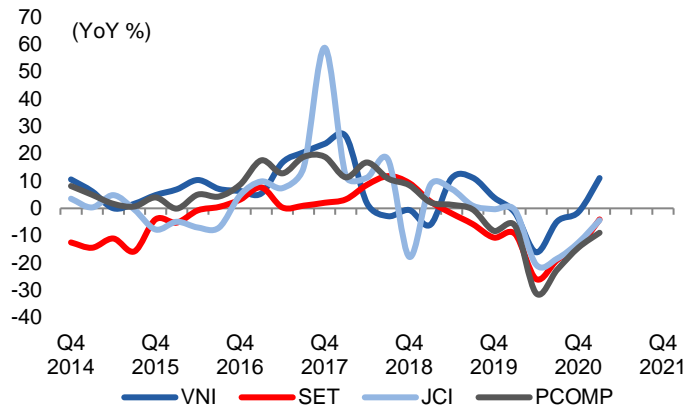
Nguồn: Bloomberg, HSX, VCSC

Hình 8: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Diễn biến tính từ đầu năm tính theo đồng tiền từng quốc gia



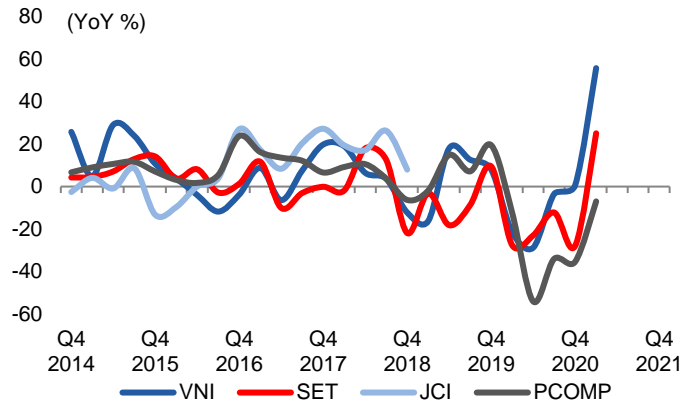
Nguồn: Bloomberg (số liệu tính đến 30/06/2021), VCSC

Hình 9: Tăng trưởng doanh thu



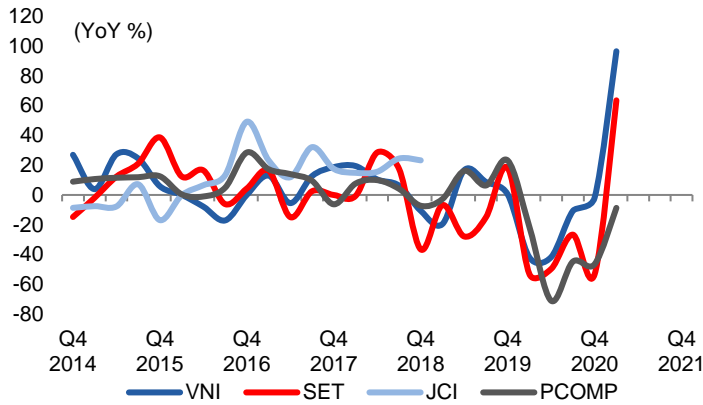
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 10: Tăng trưởng EBITDA



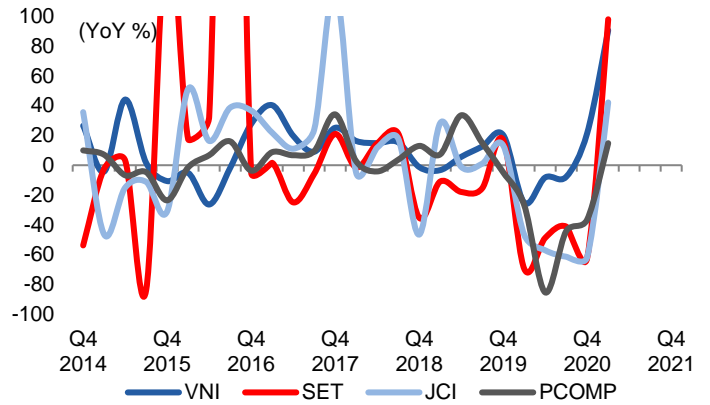
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 11: Tăng trưởng LN từ HĐKD



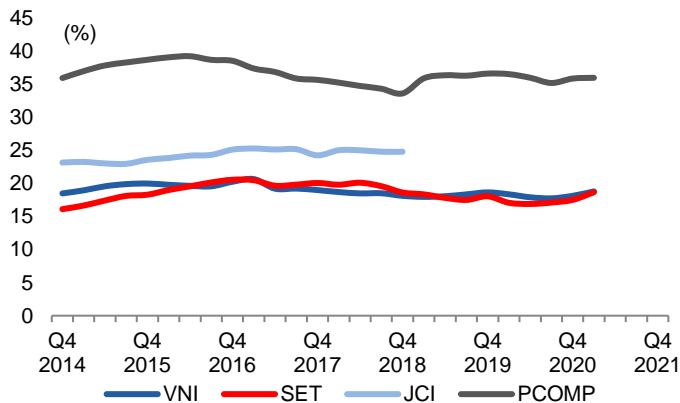
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 12: Tăng trưởng lợi nhuận



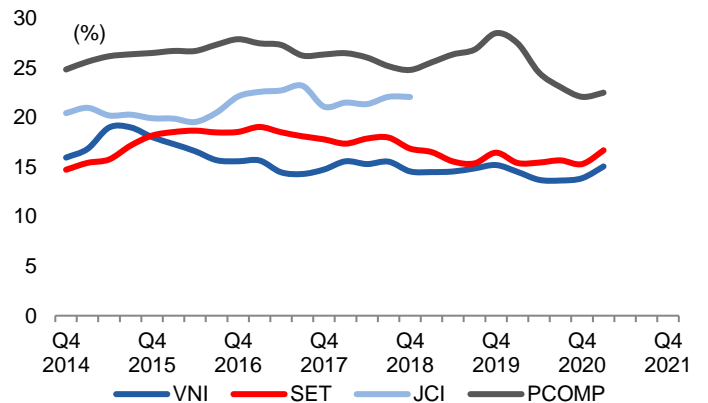
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 13: Biên lợi nhuận gộp



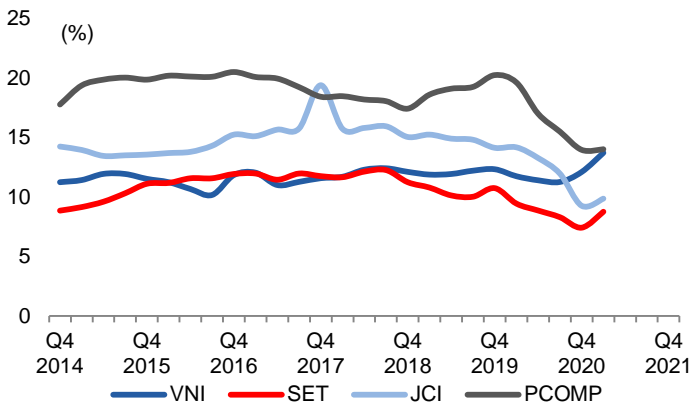
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 14: Biên EBITDA



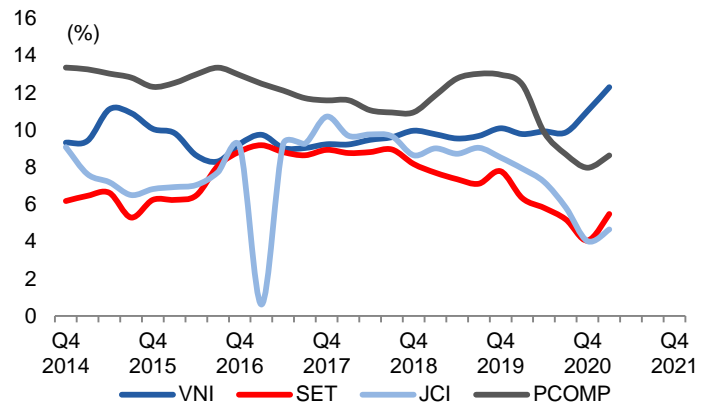
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 15: Biên lợi nhuận từ HĐKD



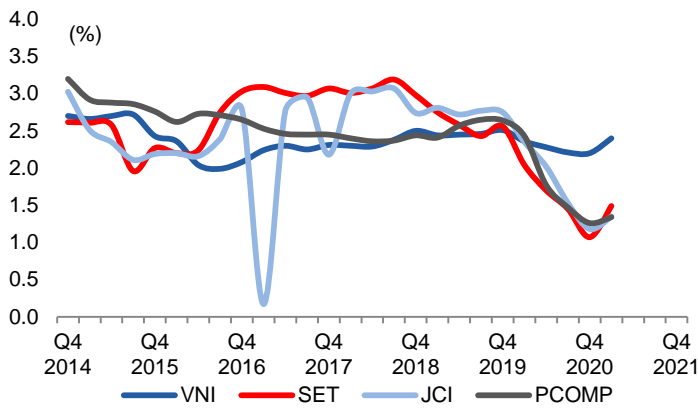
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 16: Biên lợi nhuận ròng



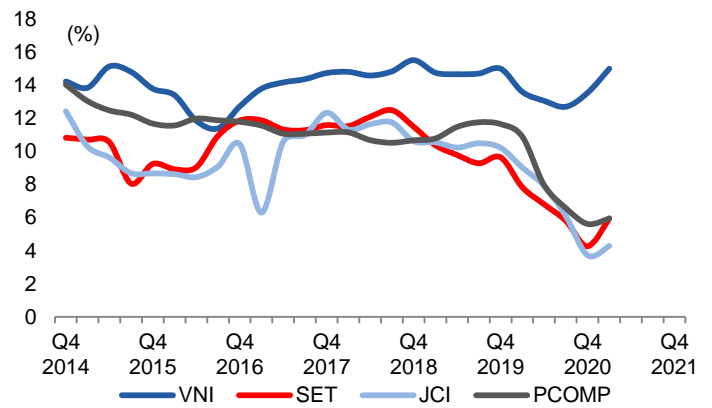
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 17: ROA



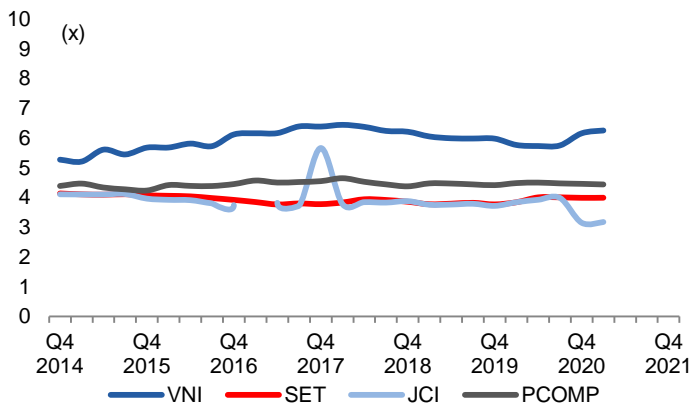
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 18: ROE



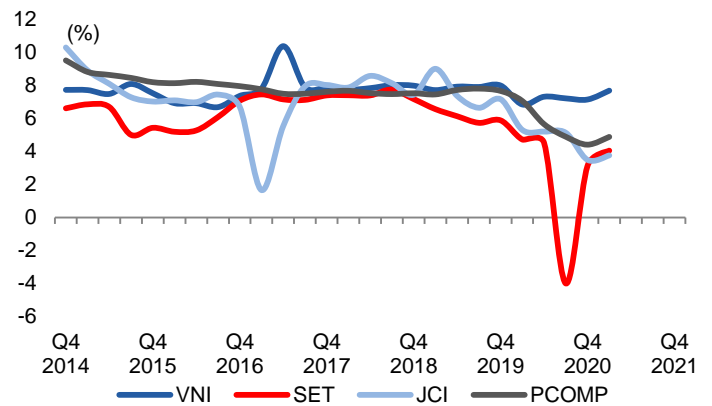
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 19: Trung bình tài sản / vốn chủ sở hữu



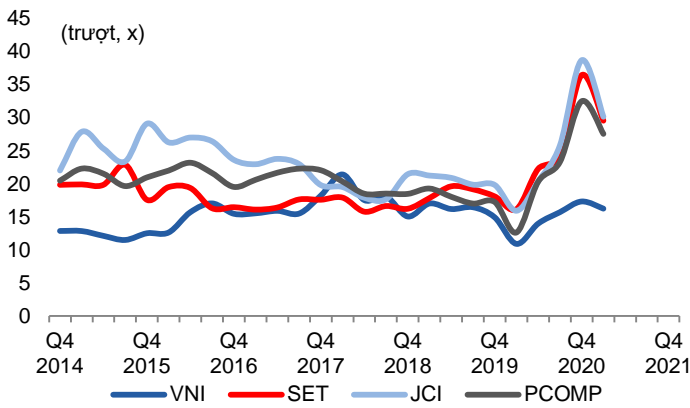
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 20: Tỷ lệ hoàn vốn



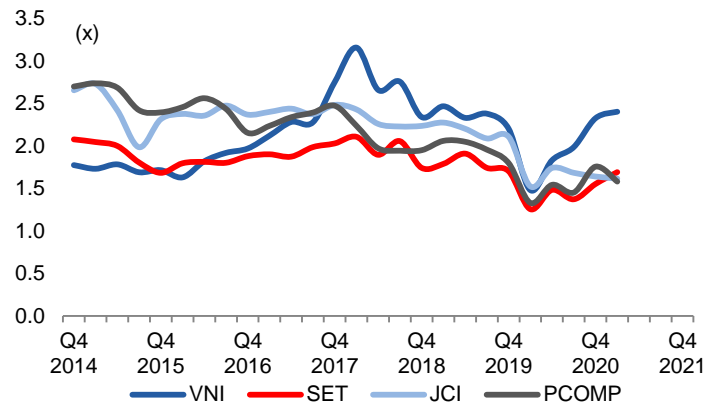
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 21: P/E



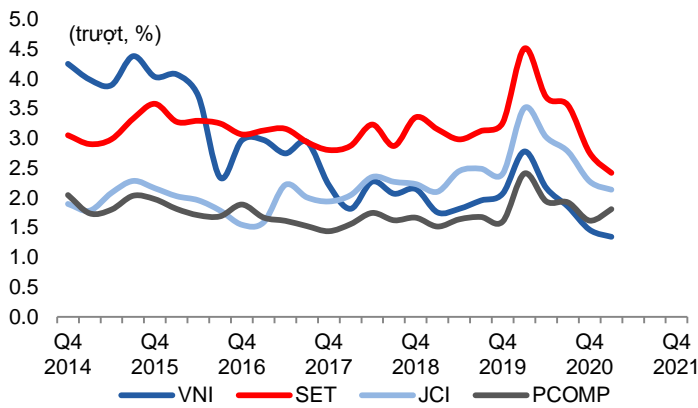
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 22: P/B



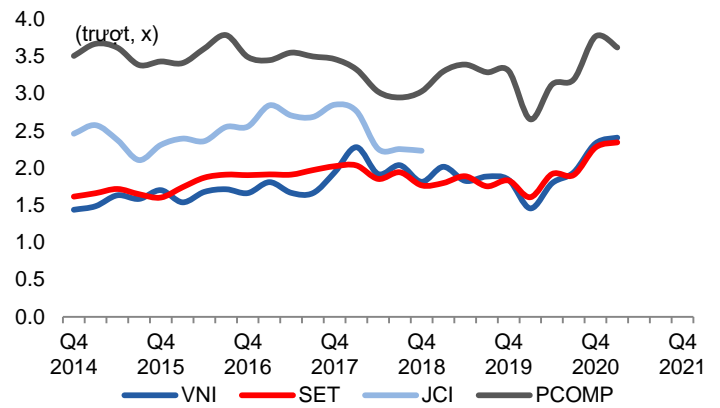
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 23: Lợi suất cổ tức



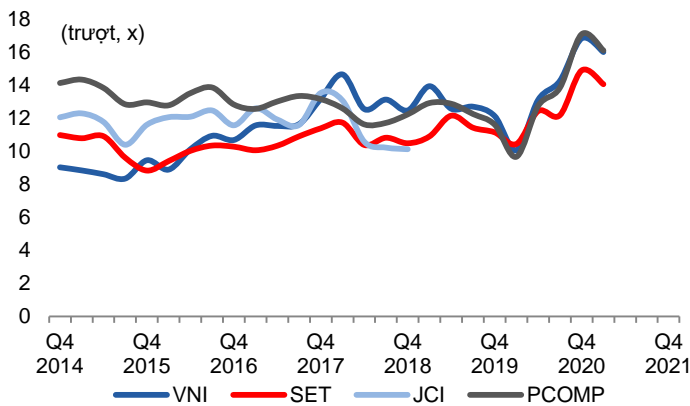
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 24: GTDN / Doanh thu



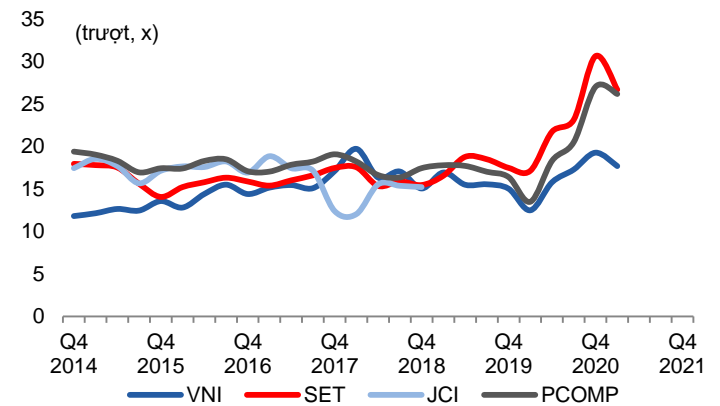
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 25: EV/EBITDA



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 26: GTDN/LN từ HĐKD



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Danh mục các cổ phiếu VCSC theo dõi

Ticker	Company	Sector	Mkt Cap USDm	30D ADTV USDm	Foreign Room USDm	EPS growth		PE		Dividend per share VND	Div Yield (%) at current price	Upside to TP (%)	Target Price VND	Rating
Updated	30-Jun-2021		Current	Current	Current	FY21	FY22	FY21	FY22	Current	FY21			
ACB	Asia Commercial Bank JSC	Banks	4,190	18.2	-	37%	8%	10.2	7.4	-	0.0%	-2.0%	35,000	O-PF
BID	Bank for Investment and Development	Banks	8,255	10.1	1,101.7	65%	39%	37.2	22.6	-	0.0%	-2.6%	46,000	M-PF
CTG	Vietnam Joint Stock Commercial Bank	Banks	8,524	38.2	416.9	48%	14%	17.9	12.1	500	0.9%	4.2%	54,900	BUY
MBB	Military Commercial JSCB	Banks	5,270	41.9	116.3	48%	11%	14.6	9.9	-	0.0%	-5.9%	40,800	M-PF
STB	Saigon Thuong Tin JSCB	Banks	2,398	44.5	426.7	29%	18%	25.0	19.3	-	0.0%	5.9%	32,400	BUY
VCB	Bank for Foreign Trade of Vietnam	Banks	18,754	10.4	1,209.9	26%	32%	26.6	21.0	800	0.7%	-6.4%	108,900	M-PF
VPB	Vietnam Prosperity JSCB	Banks	7,219	100.1	-	29%	1%	15.9	12.3	-	0.0%	26.6%	85,700	BUY
TCB	Vietnam Technological JSCB	Banks	8,024	38.8	-	34%	19%	15.0	11.1	-	0.0%	16.3%	61,300	BUY
TPB	Tien Phong JSCB	Banks	1,711	7.9	-	20%	12%	10.5	8.8	-	0.0%	13.2%	41,600	O-PF
HDB	Ho Chi Minh City Development JSCB	Banks	2,458	8.1	99.6	33%	17%	13.3	10.0	-	0.0%	12.4%	39,900	BUY
VIB	Vietnam International JSCB	Banks	3,336	3.1	3.1	33%	20%	16.9	12.7	-	0.0%	-28.2%	35,500	SELL
LPB	Lien Viet Post Bank	Banks	1,398	20.0	25.1	27%	62%	17.3	13.6	-	0.0%	-9.8%	27,000	O-PF
BVH	Bao Viet Holdings	Insurance	1,883	3.2	415	11%	13%	28.9	26.0	1,000	1.7%	11.1%	64,900	O-PF
BMI	Baominh Insurance Corp	Insurance	146	1.2	23.0	16%	27%	20.2	17.3	2,000	5.4%	-6.4%	34,500	M-PF
SSI	SSI Securities Corp	Brokerage	1,565	31.2	851.1	16%	28%	26.2	22.6	1,000	1.8%	-25.1%	41,200	U-PF
VEA	Vietnam Engine & Agricultural	Industrials	2,800	0.5	1,235.0	16%	12%	11.6	10.0	5,400	11.1%	1.0%	49,000	BUY
FPT	FPT Corp	Consumer	3,469	9.9	-	22%	22%	24.6	20.1	2,000	2.3%	-1.0%	87,100	BUY
DGW	Digiview Corp	Consumer	249	1.6	56.6	52%	22%	21.9	14.5	1,000	0.8%	15.1%	149,200	O-PF
MWG	Mobile World Investment Corp	Consumer	3,139	4.7	-	27%	32%	17.6	13.8	1,500	1.0%	49.6%	227,400	BUY
FRT	FPT Digital Retail JSC	Consumer	93	1.3	32.3	410%	34%	101.9	20.0	-	0.0%	-11.4%	24,000	M-PF
VNM	Vietnam Dairy Products JSC	Consumer	8,207	13.6	3,718.7	-1%	6%	19.0	19.2	4,000	4.4%	15.7%	104,600	BUY
MSN	Masan Group Corp	Consumer	5,713	7.3	3,904.0	159%	96%	-1210.9	40.9	1,000	0.9%	27.9%	142,500	BUY
SAB	Saigon Beer Alcohol Beverage	Consumer	4,711	1.3	1,737.1	8%	4%	23.7	22.7	3,500	2.1%	27.7%	216,000	BUY
PNJ	Phu Nhuan Jewelry JSC	Consumer	989	1.8	-	30%	26%	22.7	17.4	2,000	2.0%	19.9%	120,000	BUY
QNS	Quang Ngai Sugar JSC	Consumer	634	0.6	205.7	25%	7%	11.9	9.5	3,000	7.3%	2.2%	41,800	O-PF
STK	Century Synthetic Fiber Corp	Industrials	118	0.1	44.6	81%	24%	19.3	10.7	1,500	3.8%	0.6%	40,250	BUY
VHC	Vinh Hoan Corp	Consumer	360	3.5	277.4	-1%	35%	12.9	12.2	1,000	2.2%	-1.1%	45,000	O-PF
VTP	Viettel Post Joint Stock Corp	Transportation	371	1.1	103.1	20%	26%	25.9	21.6	1,203	1.5%	24.0%	102,200	BUY
CTR	Viettel Construction	Consumer	286	2.4	136.9	21%	16%	28.4	23.5	927	1.3%	20.9%	85,600	BUY
DHG	DHG Pharmaceutical JSC	Consumer	543	0.1	246.7	5%	6%	17.6	16.7	4,000	4.2%	11.1%	106,200	O-PF
IMP	Imexpharm Pharmaceutical	Consumer	231	0.1	-	22%	30%	28.0	23.0	1,500	1.9%	0.6%	80,300	O-PF
DHC	Dong Hai JSC of Bentre	Industrials	255	1.0	41.0	49%	7%	15.4	10.3	2,000	1.9%	13.2%	118,900	BUY
PTB	Phu Tai Corp	Diversified	192	0.5	60.0	64%	9%	11.7	7.2	2,000	2.3%	13.8%	98,300	BUY
DGC	Duc Giang Chemicals	Industrials	606	3.6	269.9	53%	20%	16.4	10.7	1,600	2.0%	2.9%	84,000	BUY
CII	Ho Chi Minh City Infrastructure	Transportation	198	2.3	94.5	49%	19%	18.9	12.7	1,200	6.3%	33.5%	25,500	BUY
KBC	Kinh Bac City Development Shar	Industrials	784	13.1	235.3	582%	79%	80.5	11.8	-	0.0%	26.3%	48,500	BUY
GVR	Vietnam Rubber Group	Industrials	6,082	8.3	777.8	7%	1%	32.7	30.6	400	1.1%	-13.7%	30,200	BUY
PHR	Phuoc Hoa Rubber	Industrials	333	2.1	123.9	-26%	10%	8.6	11.7	4,000	7.1%	21.6%	68,800	BUY
SZC	Sonadezi Chau Duc	Industrials	168	1.8	75.1	36%	39%	23.6	17.4	1,000	2.6%	16.6%	45,000	BUY
TLG	Thien Long Group Corp	Industrials	131	0.2	99.0	19%	28%	14.0	11.8	2,000	5.2%	21.1%	47,000	BUY
DRC	Danang Rubber JSC	Industrials	156	2.7	68.4	48%	5%	15.9	10.3	1,500	5.0%	4.1%	31,500	O-PF
PPC	Pha Lai Thermal Power JSC	Power & Water	347	0.3	121.1	-13%	-2%	10.3	9.5	2,000	8.0%	22.6%	30,600	BUY
HND	Hai Phong Thermal Power	Power & Water	389	0.1	191.6	-67%	18%	7.1	18.2	1,200	6.7%	10.6%	19,800	O-PF
NT2	PetroVietnam Nhon Trach 2 Power	Power & Water	256	0.4	89.1	-27%	55%	9.1	13.5	1,500	7.3%	21.0%	24,800	BUY
POW	PetroVietnam Power Corp	Power & Water	1,226	6.5	562.2	-3%	25%	11.4	14.8	200	1.7%	27.8%	15,400	BUY
PC1	Power Construction JSC No.1	Power & Water	200	0.7	85.1	-9%	21%	15.0	12.6	-	0.0%	17.0%	31,000	BUY
REE	Refrigeration Electrical Engineer	Power & Water	775	1.8	0.0	15%	34%	10.8	9.9	-	0.0%	30.0%	75,000	BUY
BWE	Binh Duong Water - Environment	Power & Water	296	0.7	96.1	-3%	27%	15.5	13.3	1,200	3.4%	-4.7%	33,700	O-PF
TDM	Thu Dau Mot Water JSC	Power & Water	122	0.4	54.2	60%	34%	18.0	11.0	1,200	4.3%	13.2%	31,700	BUY
GEX	Vietnam Electrical Equipment JSC	Diversified	747	5.8	306.5	11%	17%	14.1	15.7	-	0.0%	18.2%	26,000	O-PF
GAS	PetroVietnam Gas JSC	Oil & Gas	7,732	4.1	3,608.5	18%	13%	23.3	19.8	4,000	4.3%	8.0%	100,400	BUY
PVD	PetroVietnam Drilling & Well S	Oil & Gas	402	10.1	168.9	-13%	233%	166.7	161.8	-	0.0%	-8.2%	20,200	M-PF
PVS	PetroVietnam Technical Services	Oil & Gas	598	19.2	240.6	9%	22%	16.8	22.1	1,000	3.5%	-18.1%	23,600	M-PF
PVT	Petrovietnam Transportation Corp	Oil & Gas	295	5.1	106.0	-11%	9%	12.5	12.6	1,000	4.8%	-12.4%	18,400	O-PF
PLX	Vietnam National Petroleum Group	Oil & Gas	2,961	9.5	82.3	212%	48%	75.6	24.2	2,200	4.0%	18.6%	65,000	BUY
BSR	BINH SON Refining and Petroche	Oil & Gas	2,828	17.3	218.5	-219%	28%	-22.6	19.1	300	1.4%	-16.2%	17,600	O-PF
DPM	Petrovietnam Fertilizer & Chemical	Oil & Gas	405	2.1	142.7	20%	-17%	16.3	13.5	1,500	6.3%	-19.3%	19,200	O-PF
DCM	PetroVietNam Ca Mau Fertilizer	Oil & Gas	483	3.4	224.7	-21%	-13%	18.2	23.0	800	3.8%	-7.6%	19,400	O-PF
HPG	Hoa Phat Group JSC	Materials	10,007	67.2	2,304.8	117%	-16%	18.1	8.3	500	1.0%	13.4%	58,400	O-PF
HSG	Hoa Sen Group	Materials	890	21.1	358.5	226%	-34%	18.3	5.6	-	0.0%	-1.9%	41,100	M-PF
HT1	Ha Tien 1 Cement JSC	Materials	265	0.5	122.2	4%	3%	11.8	11.4	1,200	7.5%	-3.1%	15,500	M-PF
BMP	Binh Minh Plastics JSC	Materials	211	0.3	35.5	-12%	13%	10.3	11.8	4,500	7.6%	8.1%	64,100	O-PF
NKG	Nam Kim Steel JSC	Materials	265	5.6	233.2	385%	-49%	21.3	4.4	-	0.0%	6.8%	37,900	M-PF
CTD	Coteccons Construction JSC	Construction	209	1.3	10.3	4%	11%	15.1	14.6	1,000	1.5%	-11.6%	57,200	M-PF
DXG	Dat Xanh Group JSC	Real Estate	540	14.1	122.2	-354%	11%	224.3	10.4	-	0.0%	16.7%	28,000	O-PF
KDH	Khang Dien House Trading and Investment	Real Estate	1,016	5.4	195.2	19%	17%	21.6	18.2	-	0.0%	1.7%	38,200	O-PF
NLG	Nam Long Investment Corp	Real Estate	483	5.7	17.9	24%	4%	13.1	10.6	1,125	2.9%	12.8%	44,000	O-PF
NVL	No Va Land Investment Group Corp	Real Estate	7,746	11.8	2,367.3	0%	16%	43.0	43.0	-	0.0%	-31.8%	82,500	U-PF
VIC	Vingroup JSC	Diversified	17,485	10.9	3,945.5	-17%	5%	70.4	85.1	-	0.0%	11.8%	133,000	O-PF
VHM	Vinhomes JSC	Real Estate	16,882	20.9	4,379.7	10%	15%	14.2	12.9	1,500	1.3%	14.4%	135,000	BUY
VRE	Vincom Retail JSC	Real Estate	3,134	8.0	579.7	10%	29%	30.3	27.5	-	0.0%	22.2%	38,800	BUY
DIG	Development Investment Construction	Real Estate	457	7.9	212.4	29%	8%	15.7	12.2	-	0.0%	17.0%	30,000	O-PF
ACV	Airports Corp of Vietnam JSC	Transportation	7,121	0.7	3,337.2	103%	42%	110.6	54.5	-	0.0%	0.4%	75,600	O-PF
GMD	Gemadep Corp	Transportation	563	4.8	45.3	35%	43%	38.3	28.4	1,200	2.8%	-2.3%	42,000	O-PF
AST	Taseco Air Services JSC	Consumer	100	0.1	6.3	136%	-166%	-46.8	-19.8	-	0.0%	-2.9%	49,500	M-PF
SCS	Sai Gon Cargo Service Corp	Transportation	303	0.2	78.8	26%	21%	17.2	13.7	9,000	6.5%	20.4%	165,600	BUY
HVN	Vietnam Airlines JSC	Transportation	1,700	1.1	352.7	1%	-73%	-5.4	-5.3	-	0.0%	-0.7%	27,400	M-PF
VJC	Vietjet Aviation JSC	Transportation	2,859	2.7	332.1	8%	NM	927.5	861.7	-	0.0%	-6.8%	113,200	M-PF

Nguồn: Dự báo của VCSC, số liệu của Bloomberg ngày 30/06/2021

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Trương Thanh Nguyên, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều
Quận 1, Tp, HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP, HCM
+84 28 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 28 3914 3588

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Ngô Hoàng Long, Phó Giám đốc, ext 123

- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên, ext 116
- Hoàng Minh Tú, Chuyên viên, ext 139
- Huỳnh Thị Hồng Ngọc, Chuyên viên, ext 138

Hàng tiêu dùng và Dược phẩm

Đặng Văn Pháp, Phó Giám đốc, ext 143

- Đào Danh Long Hà, Chuyên viên cao cấp, ext 194
- Trần Thái Sơn, Chuyên viên cao cấp, ext 185
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên, ext 191

BDS và Vật liệu Xây dựng

Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Nguyễn Thảo Vy, Trưởng phòng, ext 147
- Phạm Minh Đức, Chuyên viên, ext 174

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức, Trưởng phòng cao cấp, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên cao cấp, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên, ext 363
- Bùi Thu Hà, Chuyên viên, ext 364

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Nguyễn Quốc Dũng

+84 28 3914 3588, ext 136

dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Hồ Chí Minh & Hà Nội

Châu Thiên Trúc Quỳnh

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp, HCM
+84 28 3914 3588

Alastair Macdonald, Giám đốc, ext 105

alastair.macdonald@vcsc.com.vn

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương, Trưởng phòng, ext 364

- Trương Thanh Nguyên, Chuyên viên cao cấp, ext 132

Dầu khí và Điện

Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140

- Ngô Thùy Trâm, Trưởng phòng, ext 135
- Lê Trọng Nghĩa, Chuyên viên, ext 181
- Lê Phước Đức, Chuyên viên, ext 196

Công nghiệp và Vận tải

Hoàng Nam, Trưởng phòng, ext 124

- Thái Nhật Đăng, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Phan Hà Gia Huy, Chuyên viên

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.